| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 236/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bé Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Quốc Hội.

Bà Nguyễn Thị Phương Khánh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp.

Trong các ngày 21-8-2026 và ngày 07-9-2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp (Trụ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 466/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 470/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Kim T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Huỳnh Văn Q, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

*(Chị T vắng mặt có đơn; Anh Q vắng mặt lần thứ 2 không lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Lời trình bày của nguyên đơn Trần Thị Kim T: Vào năm 2009, chị T và anh Q yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp thuận cho chị T và anh Q về chung sống với nhau, từ khi chị T và anh Q chung sống đến nay giữa chị T và anh Q không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên là Trần Minh M, sinh ngày 02-8-2010. Thời gian chung sống vợ chồng có hạnh phúc, nhưng nhiều năm qua vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống. Nguyên nhân do anh Q thường xuyên có hành vi bạo lực với chị T. Ngày

15-3-2026 anh Q tiếp tục dùng bạo lực với chị T gây thương tích, phải nhập viện điều trị tại Trung tâm Y tế K từ ngày 16-3-2026 đến ngày 23-3-2026. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên có sống chung cũng không hạnh phúc. Vì vậy, nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn: Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn Q; Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Minh M, sinh ngày 02-8-2010, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Minh M, sinh ngày 02-8-2010 và chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Văn Q: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Trần Thị Kim T có đơn xin vắng mặt; Bị đơn Huỳnh Văn Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T trình bày giữa chị T và anh Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Đồng thời, theo văn bản số: 56/UBND ngày 26-3-2026 của xã T, tỉnh Đồng Tháp về việc trích lục bản sao kết hôn thể hiện như sau: Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn và phần mềm hộ tịch điện tử do UBND xã T quản lý không tìm thấy dữ liệu kết hôn của chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1980 với anh Huỳnh Văn Q, sinh năm 1980.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Huỳnh Văn Q và việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh Huỳnh Văn Q không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Trần Thị Kim T cũng như không phản đối gì đối với yêu cầu của chị Trần Thị Kim T.

Do đó, hôn nhân của chị Trần Thị Kim T và anh Huỳnh Văn Q là không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".*

Đồng thời khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".*

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung tên Trần Minh M, sinh ngày 02-8-2010. Nay ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Minh M, sinh ngày 02-8-2010, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu M đang sống chung với chị T, do anh Q không ý kiến đối với yêu cầu của chị T và hiện tại anh Q không có mặt tại phiên tòa, nên xét thấy yêu cầu của chị T phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận giao con chung tên Trần Minh M, sinh ngày 02-8-2010 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu M). Anh Huỳnh Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Trần Thị Kim T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Huỳnh Văn Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh Huỳnh Văn Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Trần Thị Kim T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Huỳnh Văn Q theo quy định tại các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*", vậy chị Trần Thị Kim T chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0006173 ngày 23-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Trần Thị Kim T đã nộp đủ án phí. Anh Huỳnh Văn Q không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Kim T và anh Huỳnh Văn Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh M, sinh ngày 02-8-2010 cho chị Trần Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu M). Anh Huỳnh Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Trần Thị Kim T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Huỳnh Văn Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh Huỳnh Văn Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Trần Thị Kim T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Huỳnh Văn Q.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Kim T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Kim T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Trần Thị Kim T có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0006173 ngày 23-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Trần Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

Anh Huỳnh Văn Q không phải chịu án phí.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 12 - Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Bé Hương**